

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Giao thông vận tải; Chuyên ngành: Tổ chức và quản lý giao thông vận tải

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: VŨ ANH TUẤN

2. Ngày tháng năm sinh: 29/01/1977; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Trục Hưng, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Căn hộ số 16, Tầng 16, Nhà 25T1, Lô đất N05, KhuĐT Đông Nam, Trần Duy Hưng, Trung Hoà Cầu Giấy, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Vũ Anh Tuấn, Căn hộ C2-1602 Chung cư Imperia, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng: Không; Điện thoại di động: 0913997953;

E-mail: drtuan.va@vgtrc.vgu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2001 đến năm 2007: Giảng viên Khoa Công trình, Trường Đại học GTVT

Từ năm 2007 đến năm 2009: Nghiên cứu viên, Viện Nghiên cứu Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HDGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HDGS nhà nước

Từ năm 2010 đến năm 2012: Nghiên cứu viên chính, Viện Nghiên cứu Chính sách Giao thông Nhật Bản (tên cũ là ITPS, tên hiện nay là JTTRI)

Từ năm 2013 đến nay: Giảng viên chính Khoa Kỹ thuật, kiêm Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu GTVT Việt Đức, Trường Đại học Việt Đức (VGU)

Chức vụ: Hiện nay: Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu GTVT Việt-Đức, kiêm Giảng viên chính Khoa Kỹ thuật, Trường Đại học Việt Đức; Chức vụ cao nhất đã qua: Giám đốc trung tâm nghiên cứu

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Việt Đức

Địa chỉ cơ quan: Đường Lê Lai, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại cơ quan: 0274 – 2220990 Fax cơ quan: 0274 – 2220980

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Đại học Hasselt, Vương quốc Bỉ

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 17 tháng 07 năm 2000, ngành: Giao thông vận tải, chuyên ngành: Xây dựng cầu đường

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Giao thông vận tải, Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 30 tháng 09 năm 2004, ngành: Kỹ thuật xây dựng, chuyên ngành: Quy hoạch và quản lý Giao thông vận tải

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Tổng hợp Tokyo, Nhật Bản.

- Được cấp bằng TS ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TS (trường, nước):

- Được cấp bằng TSKH ngày 28 tháng 09 năm 2007, ngành: Kỹ thuật xây dựng, chuyên ngành: Quy hoạch và quản lý Giao thông vận tải

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): Đại học Tổng hợp Tokyo, Nhật Bản.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh tại HDGS cơ sở:

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh tại HDGS ngành, liên ngành:

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Quy hoạch và quản lý giao thông đô thị bền vững (bao gồm các chủ đề: Các hệ thống giao thông bền vững, Chính sách giao thông, Quy hoạch giao thông công cộng, Quy hoạch tích hợp giao thông đô thị, Mô hình hoá hành vi đi lại và Dự báo nhu cầu vận tải, Mô hình hoá dòng xe, Mô phỏng hoạt động của mạng lưới giao thông, etc).

An toàn giao thông đường bộ (bao gồm các chủ đề: Phân tích và mô phỏng hành vi người lái xe, Giải pháp 5E trong nâng cao an toàn giao thông, etc.).

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 28 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH (sau tiến sỹ):

03 đề tài cấp bộ và cấp tỉnh;

01 đề tài nghị định thư (Việt Nam – CHLB Đức);

09 đề tài cấp khác (đề tài KHCN do bên thứ ba là các tổ chức xã hội tài trợ thông qua hợp đồng nghiên cứu khoa học công nghệ).

- Đã công bố (số lượng) 57 bài báo KH, trong đó 51 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản, trong đó thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Đạt tiêu chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên giảng dạy và nghiên cứu ở bậc đại học và sau đại học.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 08 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn	Số lượng ThS/CK2/	Số đề án, khóa luận	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp	Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy
----	---------	---------------------------	-------------------	---------------------	---	-------------------------------------

		Chính	Phụ	BSNT đã hướng dẫn	tốt nghiệp ĐH đã HD	ĐH	SĐH	đôi/Số giờ định mức(*)
1	2014-2015			4			41	202
2	2015-2016			5			179	443
3	2016-2017			2			55	152
4	2017-2018			6			112	377
3 năm học cuối								
5	2018-2019			2			69	173
6	2019-2020			6			14	231
7	2020-2021			3			93	244

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Nhật Bản năm 2004 (ThS, luận văn tiếng Anh) và năm 2007 (TSKH, luận văn tiếng Anh).

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Việt Đức, Trường Đại học Hasselt – Vương quốc Bỉ (giảng viên thỉnh giảng)

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4 Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc	Đối tượng	Trách nhiệm hướng dẫn	Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp
----	-----------------	-----------	-----------------------	---------------------	---------------	---------------------------

	HVCH/CK2/ BSNT	NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ	từ ... đến ...		bảng/có quyết định cấp bằng
1	Nguyễn Đức Thắm		HVCH	x		10/2013 – 3/2014	Trường ĐH Giao thông vận tải	9/9/2014 (Quyết định số 1881/QĐ- ĐHGTVT)
2	Lê Thị Hương		HVCH	x		6/2014 – 12/2014	Trường ĐH Việt Đức & Đại học Công nghệ Darmstadt (đối tác)	12/5/2015 (Quyết định số 13/2015/QĐ- VGU-ĐT)
3	Vũ Thị Thiệp		HVCH	x		6/2014 – 12/2014	Trường ĐH Việt Đức & Đại học Công nghệ Darmstadt (đối tác)	12/5/2015 (Quyết định số 13/2015/QĐ- VGU-ĐT)
4	Trần Lê Quang		HVCH	x		6/2014 – 12/2014	Trường ĐH Việt Đức & Đại học Công nghệ Darmstadt (đối tác)	12/5/2015 (Quyết định số 13/2015/QĐ- VGU-ĐT)
5	Nguyễn Đình Vinh Mẫn		HVCH	x		6/2014 – 12/2014	Trường ĐH Việt Đức & Đại học Công nghệ Darmstadt (đối tác)	12/5/2015 (Quyết định số 13/2015/QĐ- VGU-ĐT)
6	Trần Anh Quân		HVCH	x		6/2014 – 12/2014	Trường ĐH Việt Đức & Đại học Công nghệ Darmstadt (đối tác)	12/5/2015 (Quyết định số 13/2015/QĐ- VGU-ĐT)
7	Dương Thanh Sơn		HVCH	x		8/2014 – 1/2015	Trường ĐH Việt Đức & Đại học Công nghệ Darmstadt (đối tác)	12/5/2015 (Quyết định số 13/2015/QĐ- VGU-ĐT)

8	Nguyễn Hữu Trí		HVCH	x		8/2014 – 1/2015	Trường ĐH Việt Đức & Đại học Công nghệ Darmstadt (đối tác)	12/5/2015 (Quyết định số 13/2015/QĐ-VGU-ĐT)
9	Diệp Anh Tuấn		HVCH	x		8/2014 – 1/2015	Trường ĐH Việt Đức & Đại học Công nghệ Darmstadt (đối tác)	12/5/2015 (Quyết định số 13/2015/QĐ-VGU-ĐT)
10	Đoàn Hồng Đức		HVCH	x		6/2015-12/2015	Trường ĐH Việt Đức & Đại học Công nghệ Darmstadt (đối tác)	21/4/2016 (Quyết định số 35/2016/QĐ-VGU-ĐT)
11	Hà Sỹ Sơn		HVCH	x		6/2015-12/2015	Trường ĐH Việt Đức & Đại học Công nghệ Darmstadt (đối tác)	21/4/2016 (Quyết định số 35/2016/QĐ-VGU-ĐT)
12	Nguyễn Đăng Khoa		HVCH	x		1/2016-6/2016	Trường ĐH Việt Đức & Đại học Công nghệ Darmstadt (đối tác)	20/4/2017 (Quyết định số 109B/QĐ-ĐHVD)
13	Trương Thùy Trang		HVCH	x		7/2016-1/2017	Trường ĐH Việt Đức & Đại học Công nghệ Darmstadt (đối tác)	20/4/2017 (Quyết định số 109B/QĐ-ĐHVD)
14	Trần Trung Hiếu		HVCH	x		10/2016-3/2017	Trường ĐH Việt Đức & Đại học Công nghệ Darmstadt (đối tác)	9/10/2017 (Quyết định số 336/QĐ-ĐHVD)

15	Phạm Duy Hoàng		HVCH	x		7/2016-1/2017	Trường ĐH Việt Đức & Đại học Công nghệ Darmstadt (đối tác)	9/10/2017 (Quyết định số 336/QĐ-ĐHVD)
16	Nguyễn Minh Thông		HVCH	x		7/2016-1/2017	Trường ĐH Việt Đức & Đại học Công nghệ Darmstadt (đối tác)	9/10/2017 (Quyết định số 336/QĐ-ĐHVD)
17	Nguyễn Vĩnh Đạt		HVCH	x		7/2016-1/2017	Trường ĐH Việt Đức & Đại học Công nghệ Darmstadt (đối tác)	9/10/2017 (Quyết định số 336/QĐ-ĐHVD)
18	Quách Tiến Đạo		HVCH	x		9/2017 – 7/2018	Viện Đào tạo sau đại học, Trường ĐH GTVT TP.HCM	10/8/2018 (Quyết định số 672/QĐ-ĐHGTVT)
19	Nguyễn Văn Huyền		HVCH	x		12/2017 – 7/2018	Viện Đào tạo sau đại học, Trường ĐH GTVT TP.HCM	10/8/2018 (Quyết định số 672/QĐ-ĐHGTVT)
20	Trần Danh Tiến		HVCH	x		9/2017 – 3/2019	Viện Đào tạo sau đại học, Trường ĐH GTVT TP.HCM	13/5/2019 (Quyết định số 612/QĐ-ĐHGTVT)
21	Nguyễn Ngọc Ân		HVCH	x		2/2018-8/2018	Trường ĐH Việt Đức & Đại học Công nghệ Darmstadt (đối tác)	5/4/2019 (Quyết định số 116/QĐ-ĐHVD)
22	Hà Huy Nguyễn Nam		HVCH	x		2/2018-8/2018	Trường ĐH Việt Đức & Đại học Công	5/4/2019

							nghệ Darmstadt (đối tác)	(Quyết định số 116/QĐ- ĐHVD)
23	Nguyễn Thị Hiền		HVCH	x		6/2018- 12/2018	Trường ĐH Việt Đức & Đại học Công nghệ Darmstadt (đối tác)	18/10/2019 (Quyết định số 393/QĐ- ĐHVD)
24	Nguyễn Thái Sơn		HVCH	x		11/2018- 4/2019	Trường ĐH Việt Đức & Đại học Công nghệ Darmstadt (đối tác)	18/10/2019 (Quyết định số 393/QĐ- ĐHVD)
25	Markus Dammann		HVCH	x		9/2018- 2/2019	Trường ĐH Công nghệ Berlin (đối tác)	16/5/2019 (Đánh giá luận văn đạt ngày 16/5/2019)
26	Võ Minh Phúc		HVCH	x		1/2019- 6/2019	Trường ĐH Việt Đức & Đại học Công nghệ Darmstadt (đối tác)	25/6/2020 (Quyết định số 161/QĐ- ĐHVD)
27	Soropogui Keamou Marcel		HVCH	x		6/2019- 12/2019	Trường ĐH Việt Đức & Đại học Công nghệ Darmstadt (đối tác)	27/10/2020 (Quyết định số 294/QĐ- ĐHVD)
28	Đỗ Hồng Phượng		HVCH	x		3/2019 – 9/2019	Viện Đào tạo sau đại học, Trường ĐH GTVT TP.HCM	01/2/2021 (Quyết định số 93/QĐ- ĐHGTVT)

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Sau khi được công nhận Tiến sĩ				
1	Xây dựng và đánh giá các giải pháp quản lý giao thông trong điều kiện bị ngập úng do mưa lớn, triều cường dâng cao tại Thành phố Hồ Chí Minh	CN	Đề tài nghiên cứu KH-CN cấp bộ (mã số B2018-VGU-08)	2018 – 2019	24/03/2020 (Biên bản họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp bộ đề tài KH-CN cấp bộ ký ngày 24/03/2020 đính kèm) Xếp loại Đạt

2	Đề án Nghiên cứu thực hiện thí điểm việc điều chỉnh mức thu các loại phí liên quan đến đăng ký mới và lệ phí lưu hành của các phương tiện giao thông cơ giới cá nhân	Thành viên nghiên cứu	Đề tài nghiên cứu KHCN cấp tỉnh (Đề án đặt hàng của UBND TP. Hồ Chí Minh)	9/2019 – 12/2020	21/12/2020 (Biên bản họp hội đồng nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KHCN ngày 21/12/2020 đính kèm) Xếp loại Đạt
3	Xây dựng các giải pháp nâng cao an toàn giao thông đường bộ tỉnh Bình Dương	CN	Đề tài nghiên cứu KHCN cấp tỉnh (Hợp đồng số 45/HĐ-SKHCN)	9/2016 – 1/2018	13/08/2018 (Quyết định số 173/QĐ-SKHCN của Sở KHCN tỉnh Bình Dương ngày 13/08/2018 đính kèm) Xếp loại Đạt
4	Đánh giá chương trình Trách nhiệm cộng đồng của doanh nghiệp (CSR) của Apiwsa (Hiệp hội các doanh nghiệp rượu Châu Á – Thái Bình Dương) tại Việt Nam trong giai đoạn 2017-2019	CN	Đề tài nghiên cứu khoa học đánh giá tác động chương trình CSR đặt hàng và tài trợ bởi Hiệp hội các doanh nghiệp Rượu châu Á -Thái Bình Dương (APIWSA) và Diễn đàn uống có trách nhiệm Việt Nam (VARD) (Biên bản ghi nhớ MOU ký vào ngày 26/08/2020 giữa APIWSA, VARD và VGU)	7/2020 – 11/2020	06/2021 (Biên bản thanh lý nghiệm thu MOU ký ngày 06/2021 giữa đại diện Apiwsa/Vard và VGU) Xếp loại Đạt
5	Evaluation of Traffic accident analysis in HCMC and assessment of potential for its V2X safety application in Vietnam	CN	Hợp tác quốc tế (với Toyota ITC)	11/2018 – 3/2019	07/03/2019 (Thư điện tử xác nhận chấp nhận Báo cáo nghiên cứu của Toyota ITC

					ngày 07/03/2019 đính kèm) Xếp loại Đạt
6	Traffic Accident Analysis in Vietnam and its Potential ITS V2X Safety Applications	CN	Hợp tác quốc tế (với Toyota ITC)	8/2017 – 12/2018	31/01/2019 (Thư điện tử xác nhận chấp nhận Báo cáo nghiên cứu của Toyota ITC ngày 31/01/2019 đính kèm) Xếp loại Đạt
7	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc lạm dụng rượu bia đến hành vi điều khiển mô tô, xe máy tại Việt Nam	CN	Đề tài nghiên cứu KHCN hỗ trợ Chương trình phối hợp đảm bảo trật tự ATGT (2015-2020) của UB ATGT QG, đặt hàng bởi Hội ATGT Việt Nam, tài trợ bởi Hiệp hội các doanh nghiệp Rượu châu Á -Thái Bình Dương (APIWSA) (Hợp đồng thực hiện đề tài NCKH số 01/2018/HĐNCKH)	7/2018 – 1/2019	20/12/2018 (Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc đợt cuối ký kết giữa Hội ATGT Việt Nam và Trường ĐH Việt Đức ngày 20/12/2018 đính kèm) Xếp loại Đạt
8	Vai trò của xe máy trong hiện tại và tương lai tại Việt Nam	CN	Đề tài nghiên cứu KHCN hỗ trợ Chương trình phối hợp đảm bảo trật tự ATGT (2015-2020) của UB ATGT QG, đặt hàng và tài trợ bởi Hiệp hội các nhà sản xuất mô tô xe máy Việt Nam (VAMM) (Hợp đồng số ngày 03/01/2018)	1/2018 – 11/2018	30/11/2018 (Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng giữa VAMM và ĐH Việt Đức ký ngày 30/11/2018 đính kèm) Xếp loại Đạt

9	Ảnh hưởng của việc sử dụng điện thoại di động trong khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông	CN	Hợp đồng dự án nghiên cứu khoa học với Quỹ Phòng chống thương vong Châu Á (AIPF), tài trợ bởi Công ty Ford Việt Nam (Hợp đồng số NC01-HĐ-ĐHVĐ)	3/2017 – 12/2017	16/01/2018 (Chương trình hội thảo công bố kết quả nghiên cứu tổ chức bởi Ủy ban ATGT Quốc gia tại Hà Nội ngày 16/01/2018 đính kèm) Xếp loại Đạt
10	Giám sát giao thông đô thị trực tuyến – Giải pháp quản lý giao thông và phát triển đô thị Hà Nội Real-time Monitoring of Urban Transport – Solutions for Transport Management and Urban Development in Hanoi (REMON)	PCN	Nhiệm vụ hợp tác quốc tế về Khoa học và Công nghệ theo Nghị định thư Việt Nam – CHLB Đức được thực hiện bởi 10 đơn vị nghiên cứu từ 2 phía; Tổ chức chủ trì phía Việt Nam là Viện Chiến lược và phát triển GTVT phối hợp thực hiện cùng Trường ĐH GTVT và Trường ĐH Việt Đức (Hợp đồng số 02/HĐKT-REMON ký giữa Viện Chiến lược và phát triển GTVT và Trường ĐH Việt Đức)	2013-2016	20/11/2017 (Quyết định số 121/QĐ-BKHCN của Bộ KHCN về việc công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế về KHCN theo nghị định thư ký ngày 20/01/2017) Xếp loại Đạt
11	Phân tích tai nạn giao thông liên quan đến trẻ em và đề xuất các giải pháp nâng cao ATGT trẻ em tại Thành phố Hồ Chí Minh	CN	Đề tài nghiên cứu KHCN hỗ trợ Chương trình phối hợp đảm bảo trật tự ATGT (2015-2020) của UB ATGT QG, đặt hàng và tài trợ bởi Hiệp hội các nhà sản xuất mô tô xe	08/2015 – 05/2016	31/05/2017 (Biên bản thanh lý hợp đồng đính kèm) Xếp loại Đạt

			máy Việt Nam (VAMM) (Hợp đồng số 04/2015/HĐ/VAMM ký ngày 21/08/2015)		
12	A Study on Long-Term Behavioral Changes and Policy Responses in Developing Asian Countries	CN	Đề tài nghiên cứu tài trợ bởi Viện Nghiên cứu chính sách giao thông Nhật Bản (tên trước đây là ITPS, tên hiện nay là JTTRI)	2010-2012	2012 (Các báo cáo chuyên đề bằng tiếng Nhật và bản đánh giá nghiệm thu của Viện trưởng đính kèm) Xếp loại Đạt
13	Infrastructure for a Seamless Asia	TK	Dự án hợp tác nghiên cứu giữa Ngân hàng phát triển Châu Á và Viện Nghiên cứu Ngân hàng phát triển Châu Á	2007-2009	2009 (eBook “Infrastructure for a Seamless Asia” đính kèm) Xếp loại Đạt
II	Trước được công nhận Tiến sĩ				
14	A Study on Interactions between Motorcycles and Automobiles in Mixed-Traffic – The Case of Hanoi City	CN	Đề tài nghiên cứu khoa học Luận văn tiến sĩ tại Trường Đại học Tổng hợp Tokyo, Nhật Bản	2005-2007	2007 (Báo cáo tóm tắt luận văn lưu trên thư viện điện tử của Trường ĐHTH Tokyo và đánh giá của giáo sư hướng dẫn đính kèm) Xếp loại Đạt
15	A Study on the Household Motorcycle Ownership and Usage	CN	Đề tài nghiên cứu khoa học Luận văn cao học tại Trường	2003-2004	2004 (Báo cáo tóm tắt và đánh giá của giáo sư

Behavior in Hanoi City		Đại học Tổng hợp Tokyo, Nhật Bản		hướng dẫn đính kèm) Xếp loại Đạt
------------------------	--	----------------------------------	--	-------------------------------------

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số lần trích dẫn của bài báo	Tập, số, trang	Năm công bố
I	Sau khi được công nhận Tiến sĩ							
1	Recommedations towards green, safe and smart transport: Case study – Vietnam	1	Có	UN ESCAP Regional Meeting for Asia and the Pacific “City and Transport: Safety, Efficiency, and Sustainability”, Virtual Meeting, Bangkok, 9-10 June 2021	n.a	n.a	Bài báo & slides trình chiếu	2021
2	Modeling the injury severity of small-displacement motorcycle crashes in Hanoi City, Vietnam	7	Không	Safety Science ISSN 9257535	SCIE, SSCI (Q1) IF 4.105	n.a	Vol 142	2021
3	Formulating weather-responsive traffic management strategies for Ho Chi Minh City	2	Có	Proceedings of CDS 2020 International Conference “Construction Digitalization for Sustainable Development: Transforming through	n.a	n.a	n.a	2020

				Innovation”, 24-25 November 2020, Hanoi				
4	Investigating the effect of blood alcohol concentration on motorcyclist’s riding performance using an advanced motorcycle simulator	4	Có	Transportation Research Part F: Traffic Psychology and Behaviour ISSN 13698478	SCIE, SSCI (Q1) IF 2.518	2	Vol 73, p.1-14	2020
5	Exploring psychological factors of mobile phone use while riding among motorcyclists in Vietnam	6	Không	Transportation Research Part F: Traffic Psychology and Behaviour ISSN 13698478	SCIE, SSCI (Q1) IF 2.518	3	Vol 73, p.292-306	2020
6	Travel behavior change patterns under adverse weather conditions - A case study from Ho Chi Minh City, Vietnam	2	Có	CIGOS 2019, Innovation for Sustainable Infrastructure - Part of the Lecture Notes in Civil Engineering book series (LNCE) ISSN 23662565, 23662557	Scopus CiteScore 0.3	1	Vol 54, p.921-926	2020
7	Analysis of Mode Choice Behavior under Adverse Weather Conditions Using RA and SA Surveys - A Case Study from Ho Chi Minh City (HCMC), Vietnam	2	Có	CIGOS 2019, Innovation for Sustainable Infrastructure - Part of the Lecture Notes in Civil Engineering book series (LNCE) ISSN 23662565, 23662557	Scopus CiteScore 0.3	1	Vol 54, p.959-964	2020

8	Phân tích hành vi tham gia giao thông của người dân thành phố Hồ Chí Minh làm cơ sở đề xuất các giải pháp quản lý giao thông đô thị ứng phó với mưa ngập đường	2	Có	Tạp chí Giao thông vận tải (Bộ GTVT) ISSN 2354-0818	Trong nước	n.a	Số tháng 4 (2020)	2020
9	Xây dựng bộ giải pháp quản lý giao thông đô thị ứng phó với mưa và ngập đường tại thành phố Hồ Chí Minh	2	Có	Tạp chí Giao thông vận tải (Bộ GTVT) ISSN 2354-0818	Trong nước	n.a	Số tháng 5 (2020)	2020
10	Exploring the Spatial Transferability of FEATHERS – An Activity Based Travel Demand Model – For Ho Chi Minh City, Vietnam	6	Không	Procedia Computer Science ISSN 18770509	Scopus CiteScore 3.0	1	Vol 151, p.226-233	2019
11	Analysis of Child-related Road Traffic Accidents in Vietnam	2	Có	IOP Conference Series: Earth and Environmental Science ISSN 17551315, 17551307	Scopus CiteScore 0.5	2	Vol 143, No. 1	2018
12	Analysis of Illegal Parking Behavior in Hanoi City	2	Có	Journal of the Eastern Asia Society for Transportation Studies Online ISSN: 1881-1124 ISSN-L: 1341-8521	n.a	2	Vol 12, p.421-437	2017
13	Air pollution and health impact awareness and its possible influences on mode and route choice behavior	2	Có	Oral presentation at the 12th International Conference of Eastern Asia	n.a	n.a	Slides trình chiếu	2017

				Society for Transportation Studies, 18-21 September, 2017, Ho Chi Minh City, Vietnam				
14	Traffic Management Framework to Deal with Adverse Weather Conditions in Developing Countries	2	Có	Oral presentation at the 12th International conference of Eastern Asia Society for Transportation Studies, 18-21 September, 2017, Ho Chi Minh City, Vietnam	n.a	n.a	Slides trình chiếu	2017
15	Impact Assessment of Traffic Management Measures to Deal with Adverse Weather Conditions - Case Study in Hanoi City, Vietnam	2	Có	Oral presentation at the 12th International conference of Eastern Asia Society for Transportation Studies, 18-21 September, 2017, Ho Chi Minh City, Vietnam	n.a	n.a	Slides trình chiếu	2017
16	Analysis of Children Road Traffic Accidents and Proposed Measures for Children Safety Improvement in Ho Chi Minh City	2	Có	Proceedings of 10th ATRANS Annual Conference on Transportation for a Better Life, 18 August, 2017, Bangkok, Thailand	n.a	1	n.a	2017
17	Towards the Development of Quality Standards for Public	3	Không	Transportation Research Procedia	Scopus	9	Vol 25, p.4564-4583	2017

	Transport Service in Developing Countries: Analysis of Public Transport Users' Behavior			ISSN 00002014	CiteScore 2.8			
18	Analysis of Parking Demand and Impacts of Parking Pricing on Commuter Mode Choice in Hanoi, Vietnam	2	Không	Proceedings of the 12th International conference of Eastern Asia Society for Transportation Studies, 18-21 September, 2017, Ho Chi Minh City, Vietnam	n.a	n.a	Online	2017
19	Effectiveness of Mobility Management measures to encourage bus usage in Binh Duong, Vietnam	5	Không	Poster Presentation at the 12th International conference of Eastern Asia Society for Transportation Studies, 18-21 September, 2017, Ho Chi Minh City, Vietnam	n.a	n.a	Online	2017
20	Vietnam's Logistics Industry 2030: Graduate Education Strategies	3	Không	Poster Presentation at the 12th International conference of Eastern Asia Society for Transportation Studies, 18-21 September, 2017, Ho Chi Minh City, Vietnam	n.a	n.a	Online	2017

21	Future of city logistics in developing countries from the viewpoint of consumption behavior patterns	3	Không	Poster Presentation at the 12th International conference of Eastern Asia Society for Transportation Studies, 18-21 September, 2017, Ho Chi Minh City, Vietnam	n.a	n.a	Online	2017
22	Approaches to Achieve Sustainability in Traffic Management	2	Không	Procedia Engineering ISSN 18777058	Scopus CiteScore 4.0	21	Vol 142, p.205-212	2016
23	Greenhouse gas emission from freight transport-Accounting for the rice supply chain in Vietnam	2	Không	Procedia CIRP ISSN 22128271	Scopus Citescore 3.3	10	Vol 40, p.46-49	2016
24	Spatiotemporal and random parameter panel data models of traffic crash fatalities in Vietnam	3	Không	Accident Analysis and Prevention ISSN 18792057, 00014575	SCIE, SSCI (Q1) IF 3.655	38	Vol 94, p153-161	2016
25	Analysis of Measures to Improve Attractiveness of Bus Services in Large Cities in Emerging Countries	2	Không	Proceedings of the 14th World Conference on Transport Research (WCTR), 10-15 July 2016, Shanghai, China	na	n.a	n.a	2016
26	Accessibility to Public Transport Systems in Emerging Countries	2	Có	Journal of the Eastern Asia Society for Transportation Studies	n.a	13	Vol 11, p. 1240-1258	2015

				Online ISSN: 1881-1124 ISSN-L: 1341- 8521				
27	Mode Choice Behavior and Modal Shift to Public Transport in Developing Countries – the Case of Hanoi City	1	Có	Journal of the Eastern Asia Society for Transportation Studies Online ISSN: 1881-1124 ISSN-L: 1341-8521	n.a	18	Vol 11, p. 473-487	2015
28	Motorcycle Accidents in Vietnam	1	Có	Proceedings of Roundtable Meeting on Two-Wheeled Vehicle Safety, Economic Commission for Europe, Inland Transport Committee, Working Party on Road Traffic Safety	n.a	6	Slides trình chiếu	2015
28a	Tuning for sustainable urban transport development by real-time traffic monitoring and information system. A case study in Hanoi	1	Có	Proceedings of International Conference on Sustaining Urban Development – Applicable Research Directions, Binh Duong province, 16 October 2015	n.a	n.a	Slides trình chiếu	2015
29	Motorcycle Use and Mode Choice in Hanoi, Vietnam	5	Không	TRB 94th Annual Meeting Compendium of Papers	Scopus IF n.a	1	15-1674	2015

				Accession Number: 01555632				
30	Mixed Traffic Saturation Flows of Signalized Intersections in Motorcycle Dominant Cities	2	Có	Proceedings of the 11th International Conference of EASTS, 11-14 September, 2015, Cebu, Philippines	n.a	n.a	n.a	2015
31	Strategies for integrated urban and transport development in motorcycle dependent cities – A case study in Ho Chi Minh City, Vietnam	2	Không	Proceedings of CODATU Conference, 2-5 February 2015, Istanbul, Turkey	n.a	n.a	p.503-520	2015
32	Freight transport management measures in the rice industry in the Mekong Delta: An overview and policy considerations	2	Không	Proceedings of CODATU Conference, 2-5 February 2015, Istanbul, Turkey	n.a	n.a	p.403-420	2015
33	Quản lý đỗ xe theo khu vực, giải pháp phát triển bền vững cho giao thông đô thị	2	Không	Tạp chí Giao thông vận tải (Bộ GTVT) ISSN 2354-0818	Trong nước	n.a	Số tháng 6 (2015)	2015
33a	Yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn phương tiện của người tham gia giao thông sau khi sử dụng rượu, bia	4	Không	Tạp chí Giao thông vận tải (Bộ GTVT) ISSN 2354-0818	Trong nước	n.a	Số đặc biệt (năm thứ 56), p.113-119	2015
34	Possibility of Modal Shift to Public Transport in Developing Asia Cities- An empirical examination in Hanoi City	1	Có	Proceedings of 7th ATRANS Annual Conference on “Transportation for A Better Life: Towards Better ASEAN	n.a	n.a	p.173-184	2014

				Connectivity and Safety”, 22-23 August 2014, Bangkok, Thailand				
35	Strategies for Integrated Urban and Transport Development in Motorcycle Dependent Cities - A Case Study in Ho Chi Minh City	2	Có	Paper presented at the 5th International Academic Consortium for Sustainable Cities Symposium with a theme "Opportunities and challenges for urban sustainable development", 15-16 September 2014, HCMC, Vietnam	n.a	n.a	n.a	2014
36	Designing and Modeling of BRT Signal Priorities under Mixed Traffic Conditions Paper Identification number	2	Không	Proceedings of 7th ATRANS Annual Conference on “Transportation for A Better Life: Towards Better ASEAN Connectivity and Safety”, 22-23 August 2014, Bangkok, Thailand	n.a	n.a	Online (AYRF14-030)	2014
37	Analysis of traffic accidents at signalized intersections	2	Không	Proceedings of 7th ATRANS Annual Conference on “Transportation for A Better Life: Towards Better ASEAN Connectivity and	n.a	n.a	Online (AYRF14-29)	2014

				Safety”, 22-23 August 2014, Bangkok, Thailand				
38	Phân tích cước phí và chi phí của các loại hình vận tải hàng hóa ở Việt Nam	2	Không	Tạp chí Giao thông vận tải (Bộ GTVT) ISSN 2354-0818	Trong nước	n.a	Số tháng 7 (2014)	2014
39	Motorcycle Taxi Service in Vietnam – Its Socioeconomic Impacts and Policy Considerations	2	Có	Journal of the Eastern Asia Society for Transportation Studies Online ISSN: 1881-1124 ISSN-L: 1341-8521	n.a	51	Vol 10, p. 13-28	2013
40	Phân tích đặc điểm phân bố và nguyên nhân tai nạn giao thông đường bộ ở Thành phố Hồ Chí Minh	2	Có	Tạp chí Khoa học công nghệ Giao thông vận tải (Trường Đại học GTVT TP. Hồ Chí Minh) ISSN: 1859-4263	n.a	n.a	Số 7+8, p.98-101 (9/2013)	2013
41	Chiến lược quản lý giao thông xe máy hiệu quả cho các đô thị Châu Á từ khía cạnh Việt Nam	1	Có	Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Hạ tầng giao thông Việt Nam với phát triển bền vững”, ngày 17-18 tháng 8 năm 2013, TP. Đà Nẵng ISBN 978-604-82-0019-0	Trong nước	n.a	p.231-242	2013
42	The effect of incentives and technology on the adoption of electric motorcycles: A stated	4	Không	Transportation Research Part A: Policy and Practice	SCIE, SSCI (Q1) IF 3.992	37	Vol 57, p.1-11	2013

	choice experiment in Vietnam							
43	Modelling Mixed Traffic Flow at Signalized Intersection Using Social Force Model	3	Không	Journal of the Eastern Asia Society for Transportation Studies Online ISSN: 1881-1124 ISSN-L: 1341-8521	n.a	26	Vol 10, p. 1734-1749	2013
44	アジアの都市における長期的都市交通戦略 -ハノイ市における交通行動分析と政策評価- Các chiến lược phát triển giao thông đô thị trong dài hạn ở các thành phố Châu Á: Phân tích hành vi và Đánh giá chính sách cho trường hợp thành phố Hà Nội	1	Có	tạp chí Phân tích chính sách giao thông (Viện Nghiên cứu Chính sách giao thông và du lịch Nhật Bản) (tiếng Nhật)	Scopus IF n.a	n.a	Tập 15, Số 4, trang 97-101	2013
45	アジアの大都市におけるオートバイ交通の長期的需要管理に関する研究 Các chiến lược dài hạn để quản lý xe máy ở các thành phố Châu Á	1	Có	tạp chí Phân tích chính sách giao thông (Viện Nghiên cứu Chính sách giao thông và du lịch Nhật Bản) (tiếng Nhật)	Scopus IF n.a	n.a	Tập 14, Số 4, trang 72-80	2012
46	Long-Term Motorcycle Traffic Management: Comparative Analysis of Motorcycle and Car Ownership Trends, Modal Split Changes, and Cross-Mode Performances in Asia	1	Có	Proceedings of Transportation Research Board 91st Annual Meeting Accession Number: 01373305	Scopus IF n.a	n.a	Online (12-3187)	2012

47	<p>アジア各国における乗用車とバイクの保有率の関連性分析</p> <p>Phân tích xu hướng phát triển và mối quan hệ tương tác giữa tỷ lệ sở hữu ô tô con và xe máy ở các nước Châu Á đang phát triển</p>	1	Có	<p>Tạp chí Phân tích chính sách giao thông (Viện Nghiên cứu chính sách giao thông và du lịch Nhật Bản)</p> <p>(tiếng Nhật)</p>	Scopus IF n.a	n.a	<p>Tập 13, Số. 4, trang 71-77</p>	2011
48	<p>Dynamic interactions between private passenger car and motorcycle ownership in Asia: Across country analysis</p>	1	Có	<p>Journal of the Eastern Asia Society for Transportation Studies</p> <p>Online ISSN: 1881-1124</p> <p>ISSN-L: 1341-8521</p>	n.a	21	<p>Vol 9, p. 541-556</p>	2011
49	<p>Making Passenger Inland Waterways a Sustainable Transport Mode in Asia: Current Situation and Challenges</p>	1	Có	<p>Proceedings of the 9th International Conference of Eastern Asia Society for Transportation Studies</p>	n.a	4	<p>Vol 8</p>	2011
50	<p>An analysis of interactions between vehicle groups at intersections under mixed traffic flow conditions</p>	2	Có	<p>Journal of the Eastern Asia Society for Transportation Studies</p> <p>Online ISSN: 1881-1124</p> <p>ISSN-L: 1341-8521</p>	n.a	11	<p>Vol 8, p. 1999-2017</p>	2010
51	<p>Khả năng giảm tắc nghẽn giao thông Hà Nội bằng việc Phối hợp sử dụng đất và Di dời một số cơ quan</p>	3	Không	<p>Tạp chí Quy hoạch Xây dựng (Viện Quy hoạch đô thị và nông</p>	n.a	n.a	<p>Số 34(7), p.88-91</p>	2008

				quốc gia – VIUP) ISSN 1859-3054				
II	Trước khi được công nhận Tiến sĩ							
52	Towards development of motorcycle driver re-education programs: Modeling of motorcycle driver's undesirable behaviors			Proceedings of the 11th World Conference on Transport Research (WCTR), 24-28 June 2007, Berkeley, California, USA Accession Number: 01129565	n.a	2	CD-ROM	2007
53	Modeling of household motorcycle ownership behavior in Hanoi City	2	Có	Journal of the Eastern Asia Society for Transportation Studies Online ISSN: 1881-1124 ISSN-L: 1341-8521	n.a	62	Vol 6, p. 1751-1765	2005
54	A Study on Motorcycle-based Motorization and Traffic Flow in Hanoi City: Toward Urban Air Quality Management	3	Không	WIT Transactions on Ecology and the Environment, Air Pollution XIII WIT Press	Scopus IF 0.600	7	Vol 82	2005
55	A study on the possibility of control of motorcycle ownership in Hanoi	4	Không	Proceedings of the 10 th World Conference on Transport Research (WCTR 2004)	n.a	n.a	CD-ROM (paper No.502)	2004

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 21 bài.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	<i>Cắm xe máy bằng chính sách “củ cà rốt” và “cây gậy</i>	Báo Giao thông (Tiếng nói của Bộ GTVT, Ủy ban ATGT Quốc gia) Diễn đàn “Chống ùn tắc giao thông đô thị” do Báo Giao thông tổ chức từ ngày 24/3 đến 30/6/2017		Giải thưởng Ý tưởng lãnh mạn nhất của Diễn đàn “Chống ùn tắc giao thông đô thị”	1
2	<i>Possibility of Modal Shift to Public Transport in Developing Asian Cities- An empirical examination in Hanoi City</i>	Hiệp hội Nghiên cứu Giao thông Châu Á (ATRANS: Asian Transportation Research Society)	Quyết định đồng ký bởi Chủ tịch ATRANS, Giám đốc điều hành IATSS, Tổng thư ký ATRANS ngày 22-8-2014 tại Bangkok, Thái Lan	Giải thưởng bài báo và trình bày hay nhất (the best paper and presentation)	1
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

Năm học 2019-2020: thiếu 13 giờ

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HDGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. VŨ ANH TUẤN